

# CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI

NGUYỄN THU HƯƠNG\*

*Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã và đang đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Việt Nam, bởi FDI là dòng vốn đặc biệt cho tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần bổ sung vốn, công nghệ, năng lực quản lý, tổ chức và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam. Do đó, hoàn thiện chính sách để tận dụng được lợi thế và thu hút hiệu quả FDI từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs) mà vẫn bảo đảm phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam những năm gần đây.*

*Từ khóa:* Đầu tư trực tiếp nước ngoài; chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; hoàn thiện, FTAs.

*Foreign direct investment (FDI) has been playing an important role in Vietnam's economic development because foreign direct investment is a special capital flow for international economic growth and integration, contributing to the addition of capital, technology, management capacity, organization and participation in Vietnam's global supply chain. Therefore, it is necessary to perfect policies in order to take advantage of this investment type and effectively attract foreign direct investment from the new-generation Free Trade Agreements (FTAs) while ensuring the sustainable development goal in Vietnam's socio-economic development strategy in recent years.*

*Keywords:* Foreign direct investment; policies of foreign direct investment attraction; completion, FTAs.

NGÀY NHẬN: 12/8/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/9/2023

NGÀY DUYỆT: 10/10/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.333.2023.652>

## 1. Đặt vấn đề

Với tư cách là thành viên của 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 15 FTA đã có hiệu lực, Việt Nam là một trong những nước đứng đầu thế giới về hội nhập sâu rộng vào cả 4 FTA lớn nhất thế giới gồm: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và FTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (VN - EAEU FTA) và Hiệp

định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Để ký kết FTAs này, Việt Nam đã có nhiều thay đổi tích cực trong cải thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh.

Với những lợi thế như chính trị, kinh tế vĩ mô ổn định với nhiều tiềm năng phát triển và khả năng tiếp cận thị trường rộng lớn nhờ vào ký kết FTAs đã tạo sức hấp dẫn trong thu hút

\* TS, Viện Nhà nước và Pháp luật - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

FDI của Việt Nam. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vai trò của FDI ngày càng trở nên quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam bởi FDI là ngoại lực bổ sung vốn và ngoại tệ. Tuy nhiên, cùng với lộ trình thực hiện các cam kết mở cửa thị trường, việc thu hút FDI vào Việt Nam sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức. Do đó, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện chính sách đáp ứng yêu cầu thực hiện cam kết FTAs cũng như nâng cao hiệu quả thu hút FDI.

### 2. Chính sách thu hút FDI trong FTAs thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên

Chính sách FDI là chính sách về những khoản đầu tư trực tiếp vào kinh doanh, sản xuất ở một nước được thực hiện bởi một công ty hay một cá nhân ở một nước khác. Việc thu hút vốn FDI còn là cơ hội cho nước tiếp nhận đầu tư tiếp cận với: công nghệ, kỹ thuật cao, phương thức quản lý tiên tiến, mở ra thị trường mới... Điểm hấp dẫn của việc thu hút FDI chính là: các nhà đầu tư nước ngoài tự bỏ vốn, trực tiếp điều hành sản xuất - kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả đầu tư. Thông qua việc thu hút FDI từ FTAs, những quốc gia trực tiếp tiếp nhận đầu tư có điều kiện thuận lợi thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Các cam kết về đầu tư trong FTAs thế hệ mới là các cam kết nhằm mục đích tự do hóa đầu tư và bảo hộ đầu tư. Đây chính là các nguyên tắc mà các nước thành viên FTAs có nghĩa vụ phải thực hiện gồm<sup>1</sup>:

(1) Cam kết liên quan đến nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN) được quy định tại Điều 9.5 Chương 9 CPTPP, Điều 2.4 Chương 2 EVIPA, Điều 10.4 chương 10 RCEP. Theo đó, nước tiếp nhận đầu tư cam kết dành cho các nhà đầu tư sự đối xử không kém thuận lợi so với các chủ thể nước khác trong trường hợp tương tự.

(2) Các cam kết liên quan đến nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) quy định tại Điều 2.3 Chương 2 EVIPA, Điều 9.4 Chương 9 CPTPP và Điều 10.3 chương 10 RCEP. Mục đích của cam kết này là bảo đảm sự đối xử công bằng

giữa các nhà đầu tư nước ngoài và các nhà đầu tư trong nước.

Bên cạnh đó, còn có cam kết liên quan đến vấn đề tước đoạt quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài; các cam kết cho nhà đầu tư nước ngoài chuyển tiền tự do vào và ra nước ngoài lãnh thổ tiếp nhận đầu tư; cam kết về cơ chế giải quyết tranh chấp cho phép nhà đầu tư của một nước thành viên FTAs được khởi kiện chính phủ nước tiếp nhận đầu tư nhằm bảo đảm quyền lợi cho các nhà đầu tư và các khuyến khích đặc biệt đã tạo sức hấp dẫn để thu hút FDI.

Các cam kết về đầu tư trong FTAs mà Việt Nam là thành viên cho thấy: FTAs thế hệ mới đều hướng đến tạo ra một thị trường cạnh tranh công bằng, minh bạch với các cam kết về đối xử công bằng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong các hoạt động đầu tư kinh doanh như thành lập doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập, mở rộng, kinh doanh, vận hành... Theo đó, đã tạo cơ hội lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể mạnh dạn đầu tư vào Việt Nam.

### 3. Thực trạng chính sách thu hút FDI của Việt Nam

Chính sách thu hút FDI có ý nghĩa nhất định đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Các chính sách này đòi hỏi phải mang tính chiến lược và cụ thể bởi tính thách thức và cơ hội của nó. Chính sách đầu tư của các nước đều phụ thuộc và chịu ảnh hưởng bởi chính trị, kinh tế và thương mại. Các chính sách mà các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhất chính là các chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư.

Thực hiện hiệu quả FTAs không chỉ phụ thuộc vào chiến lược và cách thức thực hiện mà còn phụ thuộc vào cải cách thể chế nội tại của Việt Nam. Trong bối cảnh cả khu vực cùng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI thì việc Việt Nam đã và đang thực hiện các giải pháp, như: (1) Liên tục hoàn thiện thể chế, chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất...; (2) Tạo khung thể chế, pháp lý,

chính sách đồng bộ; (3) Cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh... đã cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong chính sách thu hút và bảo đảm cho hoạt động FDI. Cụ thể:

Nhằm tạo dựng môi trường pháp lý để thu hút FDI, Việt Nam đã mở rộng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến FDI bằng việc ký kết trên 50 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với các khu vực, các nước và vùng lãnh thổ. Bên cạnh đó, theo thống kê, hiện có 12 luật và khoảng gần 200 nghị định, văn bản liên quan đến hoạt động tự do hóa thương mại.

Trong đó, Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 được ban hành nhằm tập trung thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, đóng góp hiệu quả hơn vào tăng trưởng kinh tế và có tác động tích cực đến doanh nghiệp trong nước. Theo đó, Nghị quyết gồm: 5 quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát, 5 mục tiêu cụ thể và 7 nhóm giải pháp với 36 giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao; bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; hoàn thiện và tổ chức thực hiện thể chế, chính sách về hợp tác đầu tư nước ngoài; tạo điều kiện thuận lợi để chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án có công nghệ mới, quản trị hiện đại, có giá trị kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn chuỗi...

*Luật Đầu tư* năm 2020 đã bổ sung những ngành nghề ưu đãi đầu tư mới nhằm thu hút FDI, trong đó quy định về đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư được điều chỉnh theo hướng tập trung hơn vào lĩnh vực công nghệ cao, dự án khởi nghiệp sáng tạo. Tuy nhiên, quá trình thực thi *Luật* này vẫn phát sinh những vướng mắc, ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư, sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước về đầu tư.

Để kịp thời khắc phục những vấn đề trên, Tổ công tác chuyên giải quyết các khúc mắc

trong thực hiện *Luật Đầu tư* năm 2020 đã được thành lập và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ được ban hành đã cho thấy sự linh hoạt trong xử lý các tình huống phát sinh và quyết tâm hoàn thiện hệ thống pháp lý để thu hút FDI của Việt Nam. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/5/2023 về một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài trong giai đoạn mới.

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang được giao nhiệm vụ nghiên cứu báo cáo khả năng xây dựng *Luật Đầu tư* mạo hiểm và chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan xây dựng giải pháp thu hút đầu tư nước ngoài, hỗ trợ khác ngoài thuế, không trái với quy định và cam kết quốc tế.

Pháp luật Việt Nam đã trải qua nhiều đợt rà soát, sửa đổi, hoàn thiện để bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật trong nước và quy định của WTO nói chung và FTAs nói riêng. Qua các giai đoạn, để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cũng như những thay đổi về hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách thu hút FDI của Việt Nam đã có những sửa đổi tương thích góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao sức hấp dẫn của Việt Nam.

#### 4. Kết quả thu hút FDI trong bối cảnh thực hiện FTAs và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam

Trong thời gian qua, FDI vào Việt Nam đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng, quy mô vốn và chất lượng đã góp phần nâng cao vị thế và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế. Kết quả thu hút FDI lớn từ các nước đối tác thông qua FTAs thể hiện rõ trên số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>2</sup>: FDI đăng ký trong 7 tháng đầu năm 2023 đã có mức tăng trưởng dương, bao gồm: vốn đăng ký cấp mới gồm 1.627 dự án với số vốn đạt 7,94 tỷ USD, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà

đầu tư nước ngoài đạt 16,24 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó Xinh-ga-po dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 3,64 tỷ USD (chiếm hơn 22,4% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam) và Hàn Quốc đứng thứ 2 với gần 2,34 tỷ USD (chiếm 14,4% tổng vốn đầu tư), Trung Quốc đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư hơn 2,33 tỷ USD (chiếm gần 14,4% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo là Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc)... Các dự án đầu tư mới vẫn tập trung vào các tỉnh, thành phố có nhiều lợi thế, như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bắc Giang, Bình Dương... Các số liệu trên cho thấy, các hành động nỗ lực hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn của Chính phủ nhằm thu hút FDI tại Việt Nam đã có kết quả và Việt Nam vẫn đang là điểm đến tiềm năng hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực về FDI, được các nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp FDI đánh giá khá cao môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam nhưng họ vẫn đánh giá pháp luật về đầu tư của Việt Nam vẫn còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, không nhất quán về chủ trương và nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ<sup>3</sup>. Nhiều quy định còn rườm rà, phức tạp, nhất là những quy định, thủ tục liên quan đến thuế quan và đầu tư... Thống kê từ Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) cho thấy, tỷ lệ tranh chấp có yếu tố FDI trong năm 2022 chiếm khoảng 40% số tranh chấp được thụ lý ở VIAC gồm các tranh chấp phát sinh từ: giao dịch mua bán, chuyển nhượng cổ phần, vốn góp; phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước... Thực tế cho thấy, các tranh chấp về đầu tư, kinh doanh không được giải quyết kịp thời và có hiệu quả, thiếu cơ chế cho việc bảo đảm thi hành luật pháp đã gây bất lợi cho môi trường đầu tư, khiến nhà đầu tư nước ngoài e dè với thị trường Việt Nam<sup>4</sup>.

Môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh của Việt Nam đã dần được cải thiện nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu và sự tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài.

Cùng với đó, việc hiệu hụt nguồn lao động chất lượng cũng là một hạn chế lớn trong việc thu hút FDI nhất là đối với những dự án công nghệ cao tại Việt Nam. Do đó, để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách thu hút FDI bảo đảm yêu cầu thực hiện các cam kết và tận dụng các cơ hội từ FTAs thế hệ mới đáp ứng mục tiêu đề ra, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau đây:

*Thứ nhất*, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy thị trường vốn theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để bảo đảm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực FDI theo hướng:

Pháp luật cần có tính hệ thống, nhất quán và không có sự chồng chéo, xung khắc giữa các bộ luật liên quan, trong đó cần: (1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, luật pháp có liên quan đến FDI, nhất là việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu theo nguyên tắc của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) tại Việt Nam. (2) Rà soát lại các văn bản pháp luật về đầu tư để kịp thời hướng dẫn xử lý, ban hành quy định giải quyết vướng mắc nhằm nâng cao chất lượng cũng như bảo đảm tính tương thích với FTAs; (3) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan nhằm phù hợp tiêu chuẩn mới, hạn chế khả năng việc nhà đầu tư lợi dụng cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài (ISDS); (4) Rà soát một số luật có liên quan đến hoạt động FDI, như: *Luật Đất đai*, *Luật Thương mại*, *Bộ luật Lao động*, *Luật Xây dựng*, *Luật Kinh doanh bất động sản*, *Luật các tổ chức tín dụng*, *Luật Sở hữu trí tuệ*. (5) Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện chính sách về thu hút FDI, khuyến khích đầu tư (khuyến khích đặc biệt), bảo hộ đầu tư của Việt Nam phù hợp với FTAs, các cam kết quốc tế và thực tế Việt Nam hiện nay.

Khuôn khổ pháp luật minh bạch, thủ tục đơn giản, thuận lợi sẽ tạo hiệu ứng sâu rộng, lâu dài để nền kinh tế Việt Nam vận hành hiệu quả và bền vững. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh cải cách đơn giản hóa, số hóa các thủ tục



hành chính nhằm thu hút dòng vốn FDI có chất lượng tốt hơn trong tương lai như: năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các dịch vụ chất lượng cao... Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách sẽ góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao sức hấp dẫn của Việt Nam trong việc thu hút vốn FDI.

*Thứ hai*, để bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước cũng như thu hút FDI thì các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về FDI phải chi tiết dễ thực hiện. Muốn vậy, cần xây dựng các khái niệm, quy định chi tiết rõ ràng về các thủ tục và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài để tránh việc hiểu khác nhau gây cản trở đến các hoạt động FDI, qua đó khuyến khích thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

*Thứ ba*, kiểm soát dòng vốn FDI, sàng lọc chất lượng của dự án FDI là chủ trương đúng đắn. Việt Nam cần nâng cấp, theo đuổi chính sách thu hút và sử dụng FDI có chọn lọc, hướng mạnh vào tăng trưởng xanh, chuyển đổi số và kết nối chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI, nhất là các tập đoàn xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động FDI theo định kỳ để kịp thời phát hiện các trường hợp nhà đầu tư lợi dụng thực hiện các hoạt động đầu tư không lành mạnh, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh. Chính phủ cần sớm ban hành quyết định về bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả khu vực FDI, qua đó, làm căn cứ cho nhà đầu tư nước ngoài có thể tự chấm điểm và các địa phương tiếp nhận đầu tư có căn cứ sàng lọc dự án<sup>5</sup>.

*Thứ tư*, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lành nghề... cũng là lĩnh vực quan trọng trong thu hút FDI. Do đó, cơ quan quản lý nhà nước cần có các chính sách thiết thực và chủ động trong vấn đề này khi mà chính sách nhập cảnh với chuyên gia nước ngoài hiện đang rất hạn chế.

## 5. Kết luận

Việt Nam đã và đang khẳng định được vị thế, uy tín trên trường quốc tế khi tham gia,

liên kết kinh tế quốc tế bằng một tâm thế hoàn toàn mới, tự tin hội nhập liên kết kinh tế quốc tế gắn với tự chủ. Việc ký kết và thực thi FTAs thế hệ mới đã và sẽ mang lại cơ hội lớn cho Việt Nam trong việc thu hút FDI không chỉ từ các nước đối tác FTAs mà còn từ nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Tác động của FTAs và việc thực hiện các cam kết FTAs đòi hỏi Việt Nam phải tăng cường hơn nữa việc rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng các cơ chế, chính sách mới để tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp, qua đó tăng cường và đẩy mạnh việc thu hút FDI vào Việt Nam □

### Chú thích:

1. Nguyễn Thu Hương. Báo cáo thường niên: về tình hình thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ở Việt Nam đến năm 2021. Đề tài cấp Bộ, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021, tr. 49 - 50.

2. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài 7 tháng năm 2023. <https://fia.mpi.gov.vn>, ngày 26/7/2023.

3. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Báo cáo chông chéo pháp luật về đầu tư kinh doanh. Hà Nội, 2019.

4. Aus4Reform Program - Australian AID - IEM. Báo cáo: “Thực hiện hiệu quả Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực gắn với cải thiện tính tự chủ của nền kinh tế: Yêu cầu hoàn thiện thể chế thương mại và đầu tư ở Việt Nam”. NXB Dân trí, 2020.

5. Thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài “thế hệ mới”. <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 01/3/2023.

### Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

2. Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, Báo cáo FDI 2022: Thách thức và cơ hội thu hút FDI xanh và chuyển đổi số. Hà Nội, 2022.

3. Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.